

Số: 06 /2017/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 06 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác xây dựng, kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác xây dựng, kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17/02/2017.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tư pháp (B/c);
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban PC – HĐND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, NC, TTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Thành
Nguyễn Ngọc Thành

QUY CHẾ

**Phối hợp trong công tác xây dựng, kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa
văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 06 /2017/QĐ-UBND ngày 06 /02/2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Gia Lai trong công tác:

a) Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh trình (sau đây gọi là Nghị quyết của HĐND tỉnh) và văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi là Quyết định của UBND tỉnh);

b) Kiểm tra, tự kiểm tra Nghị quyết của HĐND; Quyết định của UBND;

c) Rà soát, hệ thống hóa Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh.

2. Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác xây dựng, kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

Việc xây dựng, kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai phải tuân theo các nguyên tắc sau:

1. Đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nguyên tắc kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP).

2. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, chủ động của các cơ quan, đơn vị trong hoạt động xây dựng, kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

3. Xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong hoạt động xây dựng, kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

Chương II

NỘI DUNG PHỐI HỢP

Điều 3. Phối hợp trong công tác xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh và Quyết định của UBND tỉnh

1. Phối hợp trong công tác đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh

a) Các cơ quan, đơn vị phối hợp trong việc đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh để quy định chi tiết vấn đề được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên hoặc để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Cơ quan đề nghị xây dựng nghị quyết có trách nhiệm lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan về đề nghị xây dựng nghị quyết và cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản theo quy định tại Điều 113, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

c) Thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh có nội dung quy định tại các khoản 2, 3 và 4, Điều 27, của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015:

- Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết theo quy định tại Điều 115, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

- Cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết có trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý đề nghị xây dựng nghị quyết và đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo đề nghị xây dựng nghị quyết đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp khi trình UBND tỉnh đề nghị xây dựng nghị quyết.

- Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết do các cơ quan, đơn vị trình; đối chiếu hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết với Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp. Trường hợp, cơ quan đề nghị xây dựng nghị quyết không tiếp thu ý kiến thẩm định mà không có báo cáo giải trình hoặc trình hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết không đúng quy định tại Điều 114, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ nhận hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết, Văn phòng UBND tỉnh trả hồ sơ và đề nghị cơ quan đề nghị xây dựng nghị quyết bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

Trường hợp, giữa cơ quan thẩm định và cơ quan đề nghị xây dựng nghị quyết còn có ý kiến khác nhau trong việc đề nghị xây dựng nghị quyết, Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm xem xét, thống nhất ý kiến của các cơ quan, đơn vị trước khi trình UBND tỉnh hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết.

2. Phối hợp trong công tác đề nghị xây dựng quyết định của UBND tỉnh

a) Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm đề nghị xây dựng quyết định của UBND tỉnh. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan đề nghị xây dựng quyết định của UBND tỉnh tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan đối với đề nghị xây dựng quyết định của UBND tỉnh.

b) Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp xem xét kiểm tra việc đề nghị xây dựng quyết định, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Phối hợp trong công tác xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh và quyết định của UBND tỉnh

a) Cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo nghị quyết, quyết định có nhiệm vụ xây dựng dự thảo nghị quyết, quyết định theo quy định tại các Điều 119, 128, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

b) Cơ quan, đơn vị soạn thảo nghị quyết, quyết định có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan về dự thảo nghị quyết, quyết định. Cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản theo quy định tại các Điều 120, 129, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

c) Dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh và quyết định của UBND tỉnh phải được Sở Tư pháp thẩm định trước khi trình UBND tỉnh.

- Trong trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo những vấn đề thuộc nội dung của dự thảo nghị quyết, quyết định; tự mình hoặc cùng cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức khảo sát về những vấn đề thuộc nội dung của dự thảo nghị quyết, quyết định. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ cho việc thẩm định dự thảo nghị quyết, quyết định.

- Cơ quan soạn thảo nghị quyết, quyết định có trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo nghị quyết, quyết định và đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp khi trình UBND tỉnh dự thảo nghị quyết, quyết định.

- Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ dự thảo nghị quyết, quyết định do các cơ quan, đơn vị trình; đối chiếu hồ sơ dự thảo nghị quyết, quyết định với Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp. Trường hợp, cơ quan, đơn vị soạn thảo nghị quyết, quyết định không tiếp thu ý kiến thẩm định mà không có báo cáo giải trình hoặc trình hồ sơ dự thảo nghị quyết, quyết định không đúng quy định tại các Điều 122, 131, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ nhận hồ sơ dự thảo nghị quyết, quyết định do các cơ quan, đơn vị trình, Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm thông báo trả hồ sơ và đề nghị cơ quan, đơn vị soạn thảo nghị quyết, quyết định bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

Trường hợp, giữa cơ quan thẩm định và cơ quan soạn thảo còn có ý kiến khác nhau đối với dự thảo nghị quyết, quyết định, Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm xem xét, thống nhất ý kiến của các cơ quan, đơn vị trước khi trình UBND tỉnh.

Điều 4. Phối hợp trong công tác kiểm tra văn bản do HĐND, UBND cấp huyện ban hành và công tác tự kiểm tra Quyết định do UBND tỉnh ban hành

1. Các cơ quan, đơn vị khi nhận được yêu cầu, kiến nghị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về văn bản có dấu hiệu trái pháp luật thì có trách nhiệm thông báo yêu cầu, kiến nghị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đó đến Sở Tư pháp.

2. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tự kiểm tra Quyết định do UBND tỉnh ban hành; kiểm tra văn bản do HĐND, UBND cấp huyện ban hành có nội dung phức tạp, thuộc phạm vi quản lý của nhiều ngành.

3. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo Văn phòng HĐND và UBND cùng cấp gửi toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND cấp huyện ban hành về Sở Tư pháp để thực hiện việc kiểm tra theo quy định pháp luật.

4. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Phối hợp trong công tác rà soát, hệ thống hóa Nghị quyết của HĐND tỉnh và Quyết định của UBND tỉnh

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Pháp chế HĐND tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện rà soát, hệ thống hóa Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh có nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị mình.

2. Các cơ quan, đơn vị khi nhận được kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với văn bản có nội dung trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp, có trách nhiệm xem xét đề thực hiện rà soát văn bản đối với văn bản thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị mình hoặc chuyển kiến nghị đến cơ quan có trách nhiệm rà soát văn bản, đồng thời thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã kiến nghị rà soát văn bản.

3. Các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp, thực hiện việc xử lý kết quả rà soát Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh trên cơ sở kết quả rà soát hằng năm, kết quả rà soát theo chuyên đề.

4. Quan hệ phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc hệ thống hóa Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 169, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

a) Hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Quy chế này.

b) Định kỳ báo cáo, xây dựng và trình UBND tỉnh Báo cáo kết quả thực hiện công tác xây dựng, kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

2. Trách nhiệm của Văn phòng UBND tỉnh

a) Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc triển khai thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Quy chế này.

b) Kiểm tra chặt chẽ hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh, hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình HĐND tỉnh và hồ sơ dự thảo Quyết định trình UBND tỉnh.

c) Phối hợp với Sở Tư pháp báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xử lý trách nhiệm các cơ quan, đơn vị thiếu trách nhiệm trong công tác xây dựng, kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.


3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Thực hiện đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Quy chế này trong công tác xây dựng, kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

b) Định kỳ báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) kết quả thực hiện công tác xây dựng, kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị mình.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện Quy chế này và thường xuyên theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Quy chế, báo cáo UBND tỉnh.

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tư pháp) để xem xét, xử lý. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Ngọc Thành